

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc điều chỉnh nguồn kinh phí đã cấp cho các địa phương tại
Quyết định số 1686/QĐ-UBND ngày 10/8/2023 của UBND tỉnh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 1686/QĐ-UBND ngày 10/8/2023 của UBND tỉnh về việc bổ sung kinh phí cho các địa phương hỗ trợ cho người lao động và người sử dụng lao động theo Nghị quyết số 68/NQ-CP của Chính phủ, Nghị quyết số 45/NQ-HĐND của HĐND tỉnh và Quyết định số 337/QĐ-UBND của UBND tỉnh;

Theo Công văn số 318/HĐND-VP ngày 27/9/2022 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Quyết định số 754/QĐ-MTTQ-BTT ngày 26/9/2023 của Ban Thường trực, UBMTTQ Việt Nam tỉnh và đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 502/TTr-STC ngày 20/10/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh nguồn kinh phí đã phân bổ tại khoản 1, điều 1 Quyết định số 1686/QĐ-UBND ngày 10/8/2023 của UBND tỉnh, cụ thể:

- Đã ban hành: từ nguồn dự phòng ngân sách tỉnh năm 2023.

- Điều chỉnh thành: từ nguồn huy động, đóng góp (Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh đã nộp ngân sách tỉnh năm 2023), số tiền: **13.316.497.980 đồng** và từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi năm 2022 chuyển sang năm 2023, số tiền: **82.067.907.020 đồng**.

Chi tiết theo Phụ lục đính kèm

Điều 2. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị:

1. UBND các huyện, thị xã, thành phố có liên quan tại Phụ lục đính kèm thực hiện điều chỉnh nguồn kinh phí và theo dõi, thanh quyết toán theo đúng quy định hiện hành.

2. Sở Tài chính thực hiện điều chỉnh, theo dõi nguồn kinh phí theo đúng quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính và Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT HĐND, UBNDTQVN tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CPVP;
- Lưu: VT, TH, KTTH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Hồng Quang
Nguyễn Hồng Quang

Phụ lục

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023
của UBND tỉnh Quảng Nam

ĐVT: ngàn đồng

TT	ĐP	Nguồn kinh phí							
		Dự phòng NS tỉnh đã phân bổ tại Quyết định số 1686/QĐ- UBND ngày 10/8/2023 của UBND tỉnh	Nguồn kinh phí điều chỉnh				Nguồn kinh phí sau điều chỉnh		
			Giảm nguồn dự phòng ngân sách tỉnh năm 2023 (QĐ 1686)	Cộng	Tăng		Dự phòng ngân sách tỉnh tỉnh	Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi năm 2022 chuyển sang 2023	Nguồn huy động, đóng góp (UBMT TQVN tỉnh đã nộp NS tỉnh)
					Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi năm 2022 chuyển sang 2023	Nguồn huy động, đóng góp (UBMT TQVN tỉnh đã nộp NS tỉnh)			
Tổng cộng		95.384.405	95.384.405	95.384.405,000	82.067.907,020	13.316.497,980	-	82.067.907,020	13.316.497,980
1	Nam Trà My	119.300	119.300	119.300,000	119.300,000		-	119.300,000	-
2	Duy Xuyên	10.824.240	10.824.240	10.824.240,000	-	10.824.240,000	-	-	10.824.240,000
3	Quế Sơn	3.520.830	3.520.830	3.520.830,000	1.028.572,020	2.492.257,980	-	1.028.572,020	2.492.257,980
4	Núi Thành	4.450.573	4.450.573	4.450.573,000	4.450.573,000		-	4.450.573,000	-
5	Điện Bàn	51.101.075	51.101.075	51.101.075,000	51.101.075,000		-	51.101.075,000	-
6	Hiệp Đức	3.094.290	3.094.290	3.094.290,000	3.094.290,000		-	3.094.290,000	-
7	Bắc Trà My	151.472	151.472	151.472,000	151.472,000		-	151.472,000	-
8	Thăng Bình	1.074.885	1.074.885	1.074.885,000	1.074.885,000		-	1.074.885,000	-
9	Đại Lộc	18.262.360	18.262.360	18.262.360,000	18.262.360,000		-	18.262.360,000	-
10	Nam Giang	10.960	10.960	10.960,000	10.960,000		-	10.960,000	-
11	Đông Giang	1.929.040	1.929.040	1.929.040,000	1.929.040,000		-	1.929.040,000	-
12	Tây Giang	845.380	845.380	845.380,000	845.380,000		-	845.380,000	-